TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/DS-ST
Ngày: 18 - 4 - 2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hữu Toại;

Ông Võ Văn Hoàng.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST – DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST – DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **1. Ông Nguyễn Văn D,** sinh năm 1966 (Có mặt).

2. Bà Trần Thị P, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị P ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018.

- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Trung T,** sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2017, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02/01/2018, bản tự khai ngày 04/12/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên*

đơn ông Nguyễn Văn D cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Vào ngày 16/6/2008 nhằm ngày 12/5/2008 (âm lịch), vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Trung T vay 01 cây vàng 24K, ông T có làm giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 600.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Mục đích mượn để ông T về nuôi sò. Sau đó, ông T trả được cho ông 2.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 16/7/2008 đến ngày 16/9/2008, thì ông T không đóng lãi cho đến nay. Đến ngày 05/12/2016 ông T có làm một tờ giấy cam kết hứa trước tổ hòa giải đến tháng 02/2017 (âm lịch) là trả đủ 01 cây vàng 24K, tuy nhiên đến nay ông T vẫn chưa trả cho vợ chồng ông.

Do nhiều lần đòi nhưng không được, nên nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông 01 cây vàng 24K, vợ chồng ông không yêu cầu tính lãi suất.

Đồng thời ông D và bà P xác định giao dịch này chỉ là giao dịch riêng cá nhân của ông T với vợ chồng ông. Vì vậy, nay vợ chồng ông chỉ khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ mà không buộc liên đới với vợ ông T là bà Phạm Thị Thanh Bình.

* Đối với ông Nguyễn Trung T là bị đơn trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt, mặc dù ông vẫn còn sinh sống sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của ông.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Vợ chồng ông D và bà P khởi kiện yêu cầu buộc ông T trả 01 cây vàng 24K và không yêu cầu tính lãi suất. Cơ sở chứng cứ là Giấy Biên nhận nợ ngày 16/6/2008 và Giấy cam kết ngày 05/12/2016. Xét thấy, việc mượn vàng của 02 bên được thiết lập bằng văn bản và trên tinh thần tự nguyện phù hợp với quy định của

pháp luật. Ông T có cam kết đến tháng 02/2017 (âm lịch) sẽ trả nợ cho vợ chồng ông D nhưng cho đến nay vẫn chưa trả. Do đó, nay vợ chồng ông D khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là có cơ sở.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà P đối với ông T, để buộc ông T trả cho vợ chồng ông D 01 cây vàng 24K. Đồng thời đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông D và bà P không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn ông Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].**Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Ngày 16/6/2008 ông Nguyễn Trung T có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P 01 cây vàng 24K. Nay vợ chồng ông D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung T trả 01 cây vàng 24K và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Do Hợp đồng vay tài sản giữa ông T với ông D và bà P được xác lập vào ngày 16/6/2008, nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Theo Giấy xác nhận ngày 28/8/2017 của Công an xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre thì ông Nguyễn Trung T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn còn đang sinh sống tại ấp A, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, vợ chồng ông D xác định giao dịch này chỉ là giao dịch riêng cá nhân của ông T với vợ chồng ông, vì đối với các giấy nhận nợ và cam kết trả nợ chỉ do một mình ông T ký nhận, và từ trước đến nay đều chỉ do một mình ông T đứng ra giao dịch, không biết đến vợ ông T là bà B. Vì vậy, nay vợ chồng ông D chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông T có nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của vợ chồng ông D và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P yêu cầu ông Nguyễn Trung T trả 01 cây vàng 24K.

[6].Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy Biên nhận nợ ngày 16/6/2008;

+ Giấy cam kết ngày 05/12/2016.

[7].Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của ông D trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, ông đều xác định vợ chồng ông có cho ông T vay 01 cây vàng 24K vào ngày 16/6/2008 nhằm ngày 12/5/2008 (âm lịch), không thỏa thuận thời gian trả, 02 bên thỏa thuận lãi suất là 600.000 đồng/tháng, ông T có trả lãi được 2.000.000 đồng từ ngày 16/7/2008 đến ngày 16/9/2008 thì ông T không đóng lãi cho đến nay. Sau đó, ông D nhiều lần yêu cầu ông T trả 01 cây vàng 24K còn nợ, thì ông T có làm 01 giấy cam kết hứa trước tổ hòa giải đến tháng 02/2017 (âm lịch) sẽ trả nhưng cho đến nay ông T vẫn không trả cho vợ chồng ông D. Đối với ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[8]. Xét các tài liệu, chứng cứ do ông D giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. *Hội đồng xét xử xét thấy:* đối với 01 biên nhận ngày 16/6/2008 nhằm ngày 12/5/2008 (âm lịch) và giấy cam kết ngày 05/12/2016 đều có thể hiện nội dung đầy đủ là ông Nguyễn Trung T có mượn của vợ chồng ông D 01 cây vàng 24K và ông D có ký nhận nợ đầy đủ, mà theo biên nhận và giấy cam kết này, ông D xác định chữ viết và chữ ký đều do ông Nguyễn Trung T tự viết và ký; hơn nữa theo bản đề nghị chuyển hồ sơ hòa giải của Tổ hòa giải ấp A, xã P ngày 29/6/2017 có xác định ông T có cam kết trước tổ hòa giải đến tháng 02/2017 (âm lịch) sẽ trả nợ cho vợ chồng ông D 01 cây vàng 24K nhưng ông T không thực hiện, sau đó tổ hòa giải mời 02 bên nhưng ông T không đến, nên Tổ hòa giải đề nghị chuyển hồ sơ về Tư pháp xã để giải quyết cho ông D. Từ đó, có đủ cơ sở xác định ông T có vay của vợ chồng ông D 01 cây vàng 24K. Nay ông T không có ý kiến gì về các chứng cứ này dù đã được Tòa án ra Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cũng như tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T biết nội dung vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông D và bà P. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên xem như mặc nhiên ông thừa nhận còn nợ vợ chồng ông D 01 cây vàng 24K.

[9]. Từ cơ sở trên, xác định được ông T có vay của ông D và bà P 01 cây (10 chỉ) vàng 24K, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, không có thỏa thuận thời gian trả nên được xem là Hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Qua hợp đồng vay thấy rằng, ông T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho ông D và bà P đầy đủ, mặc dù ông D và bà P đã nhiều lần đòi và ông T cũng cam kết đến tháng 02/2017 (âm lịch) sẽ trả nhưng vẫn không thực hiện; nên nay ông D và bà P khởi kiện yêu cầu ông T trả 01 cây

vàng 24K là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Ông D và bà P chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[12]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[13]. Do yêu cầu khởi kiện của ông D bà P được chấp nhận toàn bộ nên ông T phải chịu án phí của 01 cây (10 chỉ) vàng 24K.

Lấy giá vàng tại thời điểm giải quyết là: 3.650.000 đồng/ chỉ, cụ thể:

10 chỉ vàng 24K x 3.650.000 đồng/chỉ = 36.500.000 đồng x 5% = 1.825.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P đối với ông Nguyễn Trung T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc ông Nguyễn Trung T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P 10 (mười) chỉ vàng 24K.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Trung T phải chịu là 1.825.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006047 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006315 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên